

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2096/2022/DS-ST  
Ngày: 30 - 9 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Linh Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Phú
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thương, cán bộ tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0641/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn* là ngân hàng A; địa chỉ: đường D, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp là ông L, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021) (có đơn đề nghị vắng mặt);

*Bị đơn* là ông B; địa chỉ: đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện của nguyên đơn là ông L trình bày:*

Ngày 24/6/2019, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và bị đơn đã được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.026.456 đồng, đã thanh

toán được 12.182.292 đồng, tính đến nay còn nợ 82.660.649 đồng, bao gồm: nợ gốc: 40.138.783 đồng, lãi quá hạn: 42.521.866 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2022 theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn là ông B đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nhưng cho đến nay vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo. Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng bị đơn cũng không đến Tòa án để tham gia vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, nên việc Tòa án nhân dân quận T thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Phía bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Người tham gia tố tụng khác: Người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đầy đủ quy định tại các điều 70, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

#### *[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

*[3] Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2019 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng A được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện bị đơn được cấp được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng.

[3.2] Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 05/02/2020 đến ngày 05/4/2020 bị đơn không thanh toán số tiền tối thiểu của chủ thẻ theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2019 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng A, nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang quá hạn. Đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn thiếu, nên nguyên đơn có đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[3.3] Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền là 82.660.649 đồng, bao gồm: nợ gốc, lãi quá hạn. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 cho đến khi trả nợ xong. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ tóm tắt sao kê thẻ tín dụng (tính đến ngày 30/9/2022) do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 82.660.649 đồng, gồm: nợ gốc: 40.138.783 đồng, lãi quá hạn là 42.521.866 đồng. Đối chiếu với thỏa thuận của hai bên tại Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng A thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, về phía bị đơn trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án đã không có mặt để trình bày ý kiến của mình đối với nguyên đơn cũng như không có bất kỳ chứng cứ nào nộp cho Tòa án. Vì vậy, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 82.660.649 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022, ông B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng A, tương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

Về thời gian trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn, tiền lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, nghĩ nên chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:  $82.660.649 \text{ đồng} \times 5\% = 4.133.032 \text{ đồng}$ ;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0089649 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bởi các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ngân hàng A, buộc ông B phải trả cho ngân hàng A số tiền tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là: 82.660.649 đồng, bao gồm: nợ gốc, lãi quá hạn, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng A.

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022, ông B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/6/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng A, tương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí là 4.133.032 (Bốn triệu, một trăm ba mươi ba ngàn không trăm ba mươi hai) đồng;

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0089649 ngày 23 tháng 4 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. *Quyền kháng cáo*: Ngân hàng A và ông B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Linh Phượng**

